

Bản án số: 17/2024/DS-ST
Ngày 21- 3 - 2024
“V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản.”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hoài và bà Trần Thu Trang

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa:** Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2024/QĐ-ST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị T, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Chị La Thị D, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

(Bà T có mặt tại phiên tòa; chị D vắng mặt lần 02 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án đại diện nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày yêu cầu như sau:

Vào ngày 11/5/2021 thì chị La Thị D có hỏi vay 9.000.000 đồng, ngày 22/5/2021 thì hỏi vay 15.000.000 đồng và ngày 09/7/2021 hỏi vay 3.000.000 đồng.

Tổng cộng cả ba lần chị La Thị D hỏi vay của bà là 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng). Việc vay tiền các bên thỏa thuận thời hạn trả là vào ngày 01/01/2022, tuy nhiên đến thời hạn trả nợ nhưng chị La Thị D không chịu trả nợ cho bà mặc dù bà đã nhiều lần đòi nợ. Sau đó bà có nhờ chính quyền địa phương giải quyết. Tại buổi hòa giải của ấp Kinh 1B chị La Thị D thừa nhận nợ bà số tiền 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng), bà đồng ý cho chị La Thị D trả nợ dần làm 03 lần và chị D có hứa trả nợ nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị La Thị D phải trả cho bà số tiền gốc là 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng) và phải trả tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 01/01/2022 đến ngày giải quyết xong vụ án.

Bị đơn chị La Thị D trình bày ý kiến: Thừa nhận còn nợ bà T số tiền 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng) tiền gốc, nhưng do hoàn cảnh quá khó khăn, phải đi làm thuê, nay xin bà T bớt $\frac{1}{2}$ số tiền, là còn trả bà cho T 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng), nay xin trả dần mỗi năm trả là 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng), trả từ tháng 5 năm 2024 cho đến khi hết nợ. Khi vay thỏa thuận lãi là 1.000.000đ thì đóng lãi 50.000đ/01tháng, từ lúc vay tới ngày 01/01/2022 al là đóng lãi đầy đủ, đối với số tiền lãi đã đóng thì không có yêu cầu gì, nay hoàn cảnh khó khăn xin không đóng lãi nữa.

Đối với ý kiến của chị D xin trả dần thì bà T không đồng ý, bà T yêu cầu trả đủ số tiền 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng) và không yêu cầu lãi suất.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà T giữ nguyên ý kiến như đã trình bày yêu cầu chị La Thị D trả số tiền 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng).

Bị đơn chị D vắng mặt nên không có ý kiến yêu cầu gì.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký ghi biên bản phiên tòa đúng chức năng, nhiệm vụ của mình. Đối với đương sự tham gia giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Bị đơn vắng mặt lần 02 không lý do nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T yêu cầu chị La Thị D trả số tiền 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 468 BLDS.

Căn cứ vào sự thừa nhận của bị đơn bà La Thị D tại biên bản hòa giải ấp Kinh 1 B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ kiện: Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện An Biên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà T khởi kiện yêu cầu chị La Thị D trả số tiền vay còn nợ nên quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị D đã được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[4] Về nội dung vụ án: Bà T yêu cầu chị D trả số tiền vay còn nợ là 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án thì chị D thừa nhận là có nợ bà T số tiền 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng), do các bên tự nguyện thỏa thuận không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên, về thời hạn trả nợ các đương sự có yêu cầu ý kiến khác nhau nên không có căn cứ để xem xét công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về thời hạn trả nợ thì khi bản án có hiệu lực thì các bên căn cứ vào bản án để thực hiện yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T buộc chị La Thị D trả số tiền còn nợ là 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng)

[5] Về án phí của vụ án: $27.000.000đ \times 5\% = 1.350.000đ$ (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T về việc yêu cầu chị La Thị D trả số tiền 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng).

Buộc chị La Thị D trả cho bà Bùi Thị T số tiền 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng).

Về thời gian thanh toán: Khi nào bản án có hiệu lực pháp luật, thì các bên căn cứ vào bản án để thực hiện yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải chịu thêm một khoản lãi theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí vụ kiện:

Buộc chị La Thị D phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.350.000đ (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Bùi Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 825.000đ (Tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009030 ngày 27/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (V).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thị Gấm